

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ42,500

Tiềm năng tăng/giảm: 12.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2025)	37,850
Mã Bloomberg	BID VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,450-41,816
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	38,188
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	261,051
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	9,964
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,897
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,069
Slg CP NN được mua (tr.đv)	877
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.3%
Tỷ lệ freefloat	4.01%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước (81.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,761	3,062	3,428
Dư nợ cho vay (ntđ)	2,056	2,364	2,696
Tổng thu nhập HD (ntđ)	81.1	84.6	97.7
Lợi nhuận thuần (ntđ)	25.3	27.3	32.4
BVPS (đồng)	20,250	23,952	27,998
EPS (đồng)	3,663	3,908	4,502
DPS (đồng)	0	400	450
T.trưởng cho vay KH (%)	15.7	15.0	14.0
T.trưởng thu nhập HD (%)	10.6	4.40	15.5
Tăng trưởng EPS (%)	16.2	6.71	15.2
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	12.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	10.2	10.00
ROAE (%)	19.6	17.7	17.3
ROAA (%)	1.00	0.94	1.00
Tỷ lệ NIM (%)	2.43	2.36	2.46
Tỷ lệ CIR (%)	34.5	32.3	30.2
Hệ số CAR (%)	9.20	9.35	10.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.41	1.40	2.15
LLR/nợ xấu (%)	131	111	65.7
Hệ số LDR (%)	105	106	106
P/B (lần)	1.87	1.58	1.35
P/E (lần)	10.3	9.68	8.41
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.06	1.19

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ngân hàng thương mại lớn nhất tại Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q2/2025: LNTT tăng 6% khiêm tốn nhưng sát với dự báo

- BID đã công bố LNTT Q2/2025 đạt 8,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ và tăng 16% so với quý trước, chủ yếu nhờ thu nhập ngoài lãi tăng 32% so với cùng kỳ trong khi thu nhập lãi thuần chỉ tăng 1% so với cùng kỳ. LNTT 6 tháng đầu năm 2025 đạt 16 nghìn tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ, hoàn thành 46% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Tín dụng tăng trưởng vừa phải 6% so với đầu năm, trong khi tỷ lệ NIM gần như đi ngang ở mức 2,11%. Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên 1,98% do chất lượng tài sản vẫn gặp áp lực.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 10% trong 3 tháng qua, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,43 lần, thấp hơn 25% so với VCB (1,9 lần) nhưng cao hơn 12% so với CTG (1,28 lần) - 2 ngân hàng đối thủ chính. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

BID đã công bố LNTT Q2/2025 đạt 8,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ và tăng 16% so với quý trước, chủ yếu nhờ thu nhập ngoài lãi tăng 32% so với cùng kỳ trong khi thu nhập lãi thuần chỉ tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ. Cả chi phí hoạt động và chi phí dự phòng đều sát với dự báo của chúng tôi, tăng lần lượt 10% và 14% so với cùng kỳ.

LNTT 6 tháng đầu năm 2025 đạt 16 nghìn tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ, chỉ hoàn thành 46% dự báo cả năm 2025 nhưng sát với dự báo của chúng tôi dựa trên xu hướng tương tự trong cùng kỳ trong quá khứ của BID - lợi nhuận thường có xu hướng tăng dần vào nửa cuối năm.

Tín dụng tăng trưởng vừa phải 6% so với đầu năm

Tín dụng tăng trưởng 6% so với đầu năm (tăng 3,5% so với quý trước) lên 2.179 nghìn tỷ đồng, thấp hơn bình quân toàn hệ thống, tăng trưởng 9,9% so với đầu năm. Mặc dù cơ cấu cho vay chi tiết chưa được đề cập trong báo cáo tài chính, nhưng BLĐ trước đó đã chia sẻ tại Hội nghị Emerging Vietnam 2025 của HSC rằng các phân khúc bán lẻ & FDI là động lực tăng trưởng chính, trong khi các phân khúc khách hàng doanh nghiệp và DNNVV kém tích cực hơn.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2025, BID

LNTT 6 tháng đầu năm của BID hoàn thành 46% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi

	Q2/24	Q2/25	% sv cùng kỳ	6T24	6T25	% sv cùng kỳ	% 2025 HSCF
Thu nhập lãi thuần	14,838	14,992	1%	28,379	28,937	2%	45%
Thu nhập ngoài lãi	5,387	7,098	32%	9,017	11,051	23%	56%
Lãi thuần HD dịch vụ	1,939	1,887	-3%	3,632	3,426	-6%	46%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	1,726	1,357	-21%	3,191	2,221	-30%	37%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	591	845	43%	467	1,054	126%	148%
Thu nhập khác	1,031	2,898	181%	1,532	4,114	169%	80%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	99	110	11%	195	236		48%
Tổng thu nhập HD	20,225	22,090	9%	37,396	39,988	7%	47%
Chi phí HD	(6,708)	(7,367)	10%	(12,101)	(13,274)	10%	48%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	13,517	14,723	9%	25,295	26,714	6%	47%
Chi phí dự phòng	(5,358)	(6,098)	14%	(9,746)	(10,677)	10%	48%
LNTT	8,159	8,625	6%	15,549	16,038	3%	46%
Lợi nhuận thuần	6,369	6,756	6%	12,182	12,826	5%	47%

Nguồn: BID, HSC

Đối với huy động, tiền gửi tăng 6,2% so với đầu năm (tăng 4% so với quý trước) lên 2.074 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, vay nợ LNH và giấy tờ có giá tăng lần lượt 27% và 16% so với đầu năm, lên lần lượt 297 nghìn tỷ đồng và 231 nghìn tỷ đồng. BID - một NHTM có vốn nhà nước - tiếp tục cho vay ròng trên thị trường liên ngân hàng với giá trị cho vay ròng tăng lên 96 nghìn tỷ đồng từ 38 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q1/2025.

Tỷ lệ NIM vẫn thấp nhưng đã có một số dấu hiệu hồi phục

Tỷ lệ NIM tăng nhẹ 3 điểm cơ bản so với quý trước lên 2,11% trong Q2/2025 nhưng vẫn giảm 38 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Tỷ lệ NIM chỉ cải thiện khiêm tốn do lợi suất cho vay chỉ tăng 5 điểm cơ bản so với quý trước (nhưng giảm 60 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 5,31% trong khi chi phí huy động cũng tăng 5 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 9 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 3,32%.

Tỷ lệ NIM tiếp tục gặp sức ép do cạnh tranh gay gắt cùng các chương trình cho vay ưu đãi theo chính sách của BID. Tuy nhiên, dựa trên kỳ vọng nhu cầu tín dụng tiếp tục cải thiện trong nửa cuối năm 2025, HSC dự báo lãi suất cho vay sẽ phục hồi nhẹ và giúp củng cố tỷ lệ NIM.

Thu nhập lãi thuần Q2/2025 chỉ tăng 1% so với cùng kỳ đạt 15 nghìn tỷ đồng, tương đương thu nhập lãi thuần 6 tháng đầu năm 2025 đạt 28,9 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 45% dự báo cả năm 2025 nhưng thấp hơn một chút so với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh nhờ 'thu nhập khác' cải thiện

Thu nhập ngoài lãi tăng 32% so với cùng kỳ trong Q2 lên 7,1 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ:

- 'Thu nhập khác' tăng 181% so với cùng kỳ lên 2.898 tỷ đồng; và
- Lãi mua bán trái phiếu tăng 43% so với cùng kỳ lên 845 tỷ đồng.

Ngược lại, lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 3% so với cùng kỳ xuống 1.887 tỷ đồng, nhiều khả năng do tăng trưởng tín dụng chững lại. Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối cũng giảm 21% so với cùng kỳ xuống 1.357 tỷ đồng,

Đối với thu nhập khác, thanh lý tài sản đảm bảo đóng vai trò quan trọng do BID tích cực thu hồi nợ xấu từ các tài sản được xử lý trước đó. Thu nhập khác 6 tháng đầu năm 2025 đạt 4.114 tỷ đồng, tăng 169% so với cùng kỳ, hoàn thành 80% dự báo cả năm của chúng tôi. Do BID tiếp tục thu hồi nợ xấu ổn định, chúng tôi đánh giá đây là một khoản thu nhập thường xuyên. Trên thực tế, sự cải thiện này cho thấy thị trường BĐS đã lành mạnh hơn và hỗ trợ cho giá trị của các tài sản đảm bảo.

Chi phí hoạt động tăng vừa phải

Tổng chi phí hoạt động tăng 10% so với cùng kỳ (tăng 25% so với quý trước) lên 7.397 tỷ đồng trong Q2. Cụ thể như sau:

- Chi phí nhân viên tăng 1% so với cùng kỳ lên 3.996 tỷ đồng, sát với dự báo của chúng tôi. Trong đó, số lượng nhân viên tăng 2% so với cùng kỳ lên 29.740 người tính đến cuối Q2/2025.
- Chi phí liên quan tới tài sản tăng 8% so với cùng kỳ lên 1.060 tỷ đồng.
- Chi phí quản lý khác tăng 24% so với cùng kỳ lên 1.761 tỷ đồng.

Hệ số CIR ổn định ở mức 33,4%, gần như đi ngang so với Q1/2025 (33%).

Chất lượng tài sản vẫn gặp sức ép

Tỷ lệ nợ xấu của BID tăng lên 1,98% từ 1,89% tại thời điểm cuối Q1/2025, trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 1,54% (từ 1,85%). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 89% từ mức 97% tại thời điểm cuối Q1/2025. Chất lượng tài sản của BID phục hồi đang chậm hơn so với bình quân ngành (tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,92%, tỷ lệ nợ nhóm 2 là 1,33%). Nợ xấu mới hình thành Q2/2025 ở mức 9,5 nghìn tỷ đồng (so với 14,8 nghìn tỷ đồng trong Q1/2025 và 10,3 nghìn tỷ

đồng trong Q2/2024), trong khi tổng giá trị nợ xấu được xử lý là 6,3 nghìn tỷ đồng.

Chi phí dự phòng tăng 14% so với cùng kỳ lên 6,1 nghìn tỷ đồng trong Q2/2025. Do đó, chi phí dự phòng 6 tháng đầu năm 2025 tăng 10% so với cùng kỳ lên 10,7 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 48% dự báo cả năm 2025 và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi. Chi phí tín dụng trượt 12 tháng trong Q2/2025 ở mức 1,08%, tương đương bình quân năm 2023-2024 (1,1-1,2%). Mặc dù điều này cho thấy chi phí trở lại bình thường sau khi tái cấu trúc (bình quân giai đoạn năm 2018-2021 ở mức khoảng 2%) nhưng Ngân hàng vẫn cần xử lý thêm nợ xấu để giảm tỷ lệ nợ xấu.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu tăng 10% trong 3 tháng qua, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,43 lần, thấp hơn 25% so với VCB (1,9 lần) nhưng cao hơn 12% so với CTG (1,28 lần) – 2 ngân hàng đối thủ chính.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu là 42.500đ (tiềm năng tăng giá 12%) và dự báo. Nhìn chung, KQKD của BID có sự chênh lệch nhẹ so với dự báo của chúng tôi nhưng chênh lệch không đáng kể và lợi nhuận thuần của BID vẫn sát với dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	153	138	156	183	214
Chi phí lãi	(96.6)	(80.3)	(90.6)	(106)	(124)
Thu nhập lãi thuần	56.4	58.0	64.9	76.3	89.4
Lãi thuần HĐ dịch vụ	6.57	7.07	7.40	8.29	9.27
Lãi thuần HĐ KDNH	4.71	5.36	6.00	6.49	7.00
Lãi/lỗ từ mua bán CK	3.18	5.18	0.71	0.64	0.68
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.35	0.45	0.49	0.54	0.59
Thu nhập khác	2.08	4.99	5.14	5.50	6.04
Tổng thu nhập HĐ	73.3	81.1	84.6	97.7	113
Chi phí HĐ	(25.1)	(28.0)	(27.4)	(29.5)	(32.3)
LN trước dự phòng	48.2	53.1	57.3	68.2	80.7
Chi phí dự phòng	(20.6)	(21.1)	(22.4)	(26.8)	(31.7)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	27.6	32.0	34.9	41.3	49.1
Chi phí thuế TNDN	(5.61)	(6.26)	(6.98)	(8.27)	(9.81)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.30)	(0.47)	(0.56)	(0.67)	(0.81)
Lợi nhuận thuần	21.7	25.3	27.3	32.4	38.4
EPS (đồng)	3,151	3,663	3,908	4,502	5,186
DPS (đồng)	0	0	400	450	700
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,898	6,898	6,998	7,196	7,413
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,098	7,293	7,533
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,098	7,293	7,533

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	11.0	10.8	11.2	11.8	13.9
Tiền gửi tại NHNN	51.6	92.3	82.4	86.3	91.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	212	280	286	291	297
Chứng khoán kinh doanh	6.97	12.7	13.6	14.7	16.0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.67	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,737	2,018	2,328	2,657	3,005
Tổng dư nợ cho vay	1,778	2,056	2,364	2,696	3,046
Dự phòng rủi ro	(40.4)	(38.0)	(36.8)	(38.0)	(40.8)
Chứng khoán đầu tư	222	278	273	297	323
CK đầu tư sẵn sàng để bán	128	158	158	170	184
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	95.7	121	115	127	139
Dự phòng rủi ro	(0.90)	(1.20)	(0.38)	(0.35)	(0.33)
Đầu tư dài hạn	3.11	3.42	3.46	3.49	3.53
Tài sản cố định	11.1	12.1	12.7	13.4	14.0
Tài sản khác	45.5	52.9	52.9	52.9	52.9
Tổng tài sản	2,301	2,761	3,062	3,428	3,817
Nợ phải trả	2,178	2,616	2,887	3,218	3,573
Tiền gửi của NHNN	35.9	168	168	182	200
Tiền gửi của các TCTD khác	182	233	221	224	226
Tổng tiền gửi KH	1,704	1,953	2,227	2,538	2,868
Trái phiếu và CCTG	189	199	203	207	211
Nợ khác	53.5	50.5	55.5	55.5	55.5
Vốn chủ sở hữu	118	140	170	204	244
Vốn điều lệ	57.0	69.0	71.0	72.9	75.3
Thặng dư vốn cổ phần	15.4	15.4	21.1	27.0	34.4
Lợi nhuận giữ lại	33.6	36.2	58.4	80.0	105
Quỹ & vốn khác của CSH	11.7	18.7	19.6	24.3	29.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.97	5.23	5.36	5.58	0.27
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,301	2,761	3,062	3,428	3,817
BVPS (đồng)	17,100	20,250	23,952	27,998	32,447

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	8.50	20.0	10.9	11.9	11.4
Tăng trưởng cho vay KH (%)	16.8	15.7	15.0	14.0	13.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	15.7	14.6	14.0	14.0	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	16.1	13.6	12.9	13.0	12.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.6	18.4	21.7	20.1	19.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	0.59	2.86	11.8	17.6	17.2
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	11.2	11.5	(2.13)	7.95	9.17
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	2.45	10.2	7.84	19.1	18.4
Tăng trưởng LNTT (%)	19.9	15.7	9.07	18.5	18.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	19.5	16.2	8.26	18.4	18.7
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.31	3.20	2.91	3.01	3.12
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.13)	(1.11)	(0.94)	(0.91)	(0.89)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.0	94.5	94.2	95.6	95.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.51	2.69	2.73	3.06	3.43
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	18.1	20.5	21.5	24.8	28.5
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	12.0	10.3	9.68	8.41	7.30
P/B (lần)	2.21	1.87	1.58	1.35	1.17
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.06	1.19	1.85

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.7	31.2	32.3	33.1	34.0
ROAA (%)	0.98	1.00	0.94	1.00	1.06
ROAE (%)	20.0	19.6	17.7	17.3	17.1
Chi phí huy động BQ (%)	4.74	3.44	3.37	3.56	3.74
Lợi suất góp BQ (%)	7.29	5.78	5.67	5.88	6.15
Lợi suất thuần (%)	2.54	2.34	2.29	2.32	2.41
Tỷ lệ NIM (%)	2.69	2.43	2.36	2.46	2.57
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.97	8.73	8.75	8.48	8.20
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.0	71.6	76.7	78.0	79.1
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.1	19.7	14.6	13.5	12.7
Tỷ lệ CIR (%)	34.2	34.5	32.3	30.2	28.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	10.2	10.00	13.5
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.40	9.20	9.35	10.2	11.0
VCSH/Tổng TS (%)	5.13	5.06	5.55	5.96	6.40
Đòn bẩy vốn (lần)	19.5	19.8	18.0	16.8	15.6
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.26	1.41	1.40	2.15	2.05
Hệ số LLR (%)	181	131	111	65.7	65.3
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	105	106	106	106
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	8.78	9.77	8.35	7.53	6.83
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	77.3	74.5	77.2	78.6	79.8
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,198	1,234	1,271	1,309	1,348
Số lượng nhân viên	29,233	30,110	31,013	31,943	32,902

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn